

TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC VỀ NHÀ NƯỚC CỦA ARISTOTLE TRONG TÁC PHẨM “CHÍNH TRỊ LUẬN”

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN^(*)

Tư tưởng triết học về nhà nước được Aristotle viết chủ yếu trong tác phẩm “Chính trị luận”. Xuất phát từ quan niệm về bản chất con người, Aristotle tập trung luận giải về sự ra đời, bản chất, chính sách của nhà nước. Và trên cơ sở khảo cứu những mô hình nhà nước trên lý thuyết và thực tiễn, ông luận giải về mô hình nhà nước lý tưởng, điều kiện và biện pháp thực hiện nó. Tư tưởng triết học về nhà nước của Aristotle mặc dù so với ngày nay còn những hạn chế nhất định nhưng là sự kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, giữa chân lý và cuộc sống, đó là điều ít ai có thể có được. Nội dung bài viết góp phần làm sáng tỏ những tư tưởng nêu trên của Aristotle qua tác phẩm này.

Aristotle (384-322 TCN.) được đánh giá là bộ óc bách khoa nhất trong số các triết gia Hy Lạp cổ đại. Công trình nghiên cứu của ông bao quát những lĩnh vực tri thức rộng lớn, nhiều tác phẩm của ông hiện đang được đặc biệt nghiên cứu tại nhiều trường đại học trên thế giới, trong đó phải kể đến tác phẩm *Chính trị luận*^(*). Những tư tưởng triết học về nhà nước được Aristotle viết chủ yếu trong tác phẩm này. Tác phẩm bao gồm 8 quyển, trong đó Aristotle trình bày quan niệm về các thành tố của nhà nước (polis) như cá nhân, gia đình, cộng

đồng để đi đến quan niệm tổng thể về sự ra đời và bản chất của nhà nước. Trên cơ sở khảo cứu những mô hình nhà nước trên thực tế và lý thuyết, Aristotle đưa ra các hình thức nhà nước và mô hình nhà nước lý tưởng cùng biện pháp thực hiện nó.

Mặc dù tư tưởng về nhà nước của các triết gia cổ đại chưa phải là về nhà nước hiện đại như ngày nay, nhưng những tư tưởng đó là tiền đề cho quan niệm về nhà nước hiện đại sau này.

1. Về sự ra đời và bản chất của nhà nước

Triết học chính trị và đạo đức học được quan niệm là các khoa học thực tiễn, vì vậy Aristotle không trình bày lý thuyết tư biện về nhà nước, mà trên cơ

^(*) *Chính trị luận* được Aristotle viết vào khoảng năm 350 TCN., được dịch giả Nông Duy Trường dịch sang tiếng Việt dựa theo bản dịch tiếng Anh của Benjamin Jowett (toàn văn đọc tại trang <http://classics.mit.edu/Aristotle/politics.html>). Bản dịch được Nxb. Thế giới xuất bản và phát hành năm 2013. Các trích dẫn trong bài được tác giả lấy theo ấn phẩm này.

^(*) TS., Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.

sở khảo cứu những hình thức nhà nước đã tồn tại trên thực tế và một số mô hình lý thuyết của các bậc tiền bối để đưa ra quan niệm về nhà nước. Phương pháp chủ yếu được ông dùng trong nghiên cứu triết học chính trị là phương pháp phân tích (quy nạp) đi từ việc xem xét các phần tử cấu thành nhà nước đến nghiên cứu tổng thể về nhà nước.

Theo Aristotle, xét về bản chất, con người bẩm sinh đã là một động vật chính trị, cá nhân không thể có một cuộc sống lành mạnh và tốt đẹp bên ngoài xã hội, đời sống cô độc đi ngược lại với bản chất và lợi ích của con người. Theo đó, con người ngay từ khi sinh ra đã thuộc một cộng đồng nhất định và nhà nước là cộng đồng cao nhất bao trùm tất cả các cộng đồng hướng tới cái tốt ở mức độ cao nhất: “Mỗi một nhà nước là một hình thức quần tụ nào đó của con người - một cộng đồng, và mỗi cộng đồng được thiết lập nhằm đạt tới một cái tốt nào đó; vì hoạt động của con người luôn luôn nhằm được cái mà nó nghĩ là tốt” (tr.42).

Như vậy, tiếp nối đạo đức học, triết học chính trị của Aristotle là sự tiếp tục hoàn thiện cuộc sống hạnh phúc cho con người. Nhà nước ra đời để nhằm đạt được những điều tốt đẹp nhất cho cuộc sống của con người. Mục tiêu thực sự của chính quyền là làm sao cho tất cả công dân của nó có thể sống một cuộc sống trọn vẹn và hạnh phúc.

Aristotle muốn giải thích mọi vấn đề về con người và xã hội theo mục đích của tự nhiên: “Thiên nhiên phân biệt rõ ràng sự khác nhau giữa phụ nữ và nô lệ,...; thiên nhiên tạo ra mỗi vật cho một mục đích, và mỗi dụng cụ sẽ được tạo thành tốt nhất để sử dụng cho một mục

đích chứ không phải cho nhiều mục đích” (tr.44). Mục đích trong đời của mỗi con người là thực hiện đầy đủ bản chất của mình để trưởng thành và hưởng thụ hạnh phúc. Để thực hiện điều đó, cá nhân phải trở thành một thành viên của xã hội. Hạnh phúc và sự viên mãn không thể tìm thấy nơi những cá thể sống cách ly.

Theo đó, nhà nước được hình thành bằng con đường tự nhiên, là kết quả cuối cùng của mọi xã hội. “Ta gọi là tự nhiên khi một sự vật được phát triển đầy đủ tới dạng cuối cùng của nó... Ngoài ra, kết quả cuối cùng của một vật là cái tốt nhất, và đạt đến tự túc là kết quả cuối cùng [của một nhà nước (polis)] và là cái tốt nhất” (tr.46). Nhà nước hiển nhiên nằm trong nó những vật hiện hữu tự nhiên và con người là một động vật mà do bản tính tự nhiên phải sống trong một nhà nước. Con người là một sinh vật chính trị cao hơn các loài sống bầy đàn khác, vì con người là sinh vật duy nhất được ban cho tiếng nói. Ngôn ngữ là lý lẽ thuyết phục nhất khẳng định con người về bản tính tự nhiên phải tồn tại trong xã hội: “Ngôn ngữ của con người dùng để chỉ ra điều lợi, điều hại, và cũng tương tự như thế điều gì là công chính và thế nào là bất công. Đặc biệt hơn nữa, chỉ con người mới có được ý thức về thiện và ác, về công bằng và bất công, và về các đức tính khác nữa. Sự phối hợp của các sinh vật có ý thức này tạo nên gia đình và nhà nước” (tr.47). Con người chỉ có thể là một động vật tốt đẹp nhất khi sống trong cộng đồng, nếu bị tách ly khỏi luật pháp và công chính thì sẽ trở thành một động vật xấu xa nhất. Sự công chính thuộc về nhà nước, vì công chính - sự phân biệt thế nào là công bằng, là lẽ phải - là trật tự của một xã hội chính trị

(tr.48). Ngôn ngữ là phương tiện thể hiện mục đích đời sống đức hạnh của nhà nước theo chân lý và giá trị.

Xét theo thứ tự thời gian thì cá nhân và gia đình hiện hữu trước nhà nước. Gia đình là hệ quả đầu tiên của quan hệ giữa nam và nữ, chủ nhân và nô lệ. Nhiều gia đình quần tụ lại mà thành xã hội đầu tiên - làng mạc. Làng mạc được thành lập nhằm mục tiêu cung cấp các nhu cầu hàng ngày cho con người. Và “nhiều làng mạc liên kết lại với nhau thành một cộng đồng duy nhất và toàn vẹn, một cộng đồng đủ lớn để có thể tự túc được, thì một nhà nước được khai sinh từ những nhu cầu cơ bản của đời sống, và tiếp tục tồn tại cho một đời sống tốt đẹp” (tr.46).

Xét theo thứ tự tự nhiên, hay về phương diện bản thể luận, nhà nước lại hiện hữu trước cá nhân và gia đình vì “cái tổng thể luôn nhất thiết phải hiện hữu trước cá thể”. Và mọi cá nhân không thể nào tự túc được khi sống cô lập, vì mọi cá nhân là vô vàn các cá thể cùng lệ thuộc vào cái tổng thể, là cái mà chỉ có nó mới đem lại sự tự túc cho tất cả. Khi xem xét ở góc độ bản chất và ý nghĩa của nhà nước, ta thấy nhà nước không phải ở điểm kết thúc, mà ở điểm khởi đầu của một sự phát triển. Con người tự liên kết lại với nhau không phải xuất phát từ mong muốn của họ để dẫn đến xây dựng nhà nước nhân tạo, mà xuất phát từ việc nhân loại tuân thủ một quy trình cơ bản của bản chất con người. Từ trong cấu trúc của tồn tại người, cả sự tồn tại dưới hình thức cá thể, hay gia đình, con người theo bản tính tự nhiên hướng tới thiết lập nhà nước. Ý niệm nhà nước đã quy định ngay từ đầu quá trình phát triển của

các cá nhân, gia đình và các cộng đồng làng xã.

Theo Aristotle, nhà nước là một cộng đồng dân cư và các công dân nhà nước tham dự vào chính phủ và tòa án là những người tự do. Phương thức tồn tại thực sự của nhà nước là đảm bảo cuộc sống của các thành viên, gia đình và cộng đồng cả về không gian và thời gian. Đó là những yếu tố cấu thành nhà nước, làm cho nhà nước thành hiện thực, đồng thời chúng cũng chỉ là chúng khi cả cái chính thể nhà nước tồn tại. Thủ tiêu cá nhân, gia đình, cộng đồng hay đánh giá chúng vô nghĩa thì cũng làm cho nhà nước tiêu vong hay mất tính hiện thực. Như vậy, giữa nhà nước và các yếu tố cấu thành có mối quan hệ chặt chẽ và ảnh hưởng lẫn nhau. Trong quan niệm triết học về nhà nước, Aristotle đã gắn kết cái chính thể với cái bộ phận, cộng đồng và cá nhân, cái này là tiền đề cho cái kia, gắn liền với cái kia như những khái niệm tương quan lẫn nhau.

Tính hiện thực của nhà nước được Aristotle đặt trong cộng đồng các công dân, và xem xét mối quan hệ giữa chúng như chính thể thống nhất cả hai phương diện chứ không phải một chiều. Xét về phương diện thực tiễn thì lý luận về bản chất nhà nước của ông là tiền đề để các công dân tự do trưởng thành về nhân cách mà không rơi vào chủ nghĩa cá nhân. Từ góc độ này, Aristotle phê phán mô hình nhà nước cộng đồng của Platon - Triết gia Hy Lạp và là thầy của Aristotle. Platon chủ trương một mô hình nhà nước cộng đồng trong đó tài sản và phụ nữ đều là sở hữu chung của quốc gia. Trong nhà nước đó con người cần phải sống hết mình cho nhà nước chứ nhà nước không vì con người.

Aristotle thì cho rằng, một mô hình quốc gia càng đồng nhất thì không còn là quốc gia nữa, vì “bản chất của một quốc gia là đa nguyên, sự kết hợp của nhiều phần tử khác nhau” (tr.85). Một quốc gia có được sự thịnh vượng là nhờ sự đóng góp của mỗi phần tử trong quốc gia đó, tương ứng với những gì họ nhận được từ quốc gia. Giả thuyết rằng, mức độ tự túc càng cao, cao chừng nào, thì càng tốt cho sự tồn tại của quốc gia, chừng ấy; điều đó tương tự với việc quốc gia càng đa nguyên chừng nào thì càng tốt chừng ấy. “Nhà nước..., là một thực thể đa dạng, và chỉ nên được thống nhất thành một cộng đồng bằng giáo dục” (tr.97). Bên cạnh đó, Aristotle cũng phản đối quan niệm của Platon khi đòi hỏi tầng lớp cai trị phải hy sinh quyền lợi cá nhân cho hạnh phúc của cả cộng đồng. Làm như vậy là đã tước bỏ quyền hưởng hạnh phúc bằng nhau của giới cai trị, khi đòi hỏi họ phải nhắm tới hạnh phúc của cả nước, chân lý thật giản dị và hiển nhiên là “nếu người cai trị không sung sướng thì ai là kẻ được sung sướng?” (tr.101).

Quan niệm trên đây thể hiện giá trị nhân văn sâu sắc trong quan niệm triết học về nhà nước của Aristotle, theo đó cá thể và gia đình là những hiện tồn đầu tiên không thể bị hy sinh cho một ý niệm vốn không thể trở thành hiện thực như quan niệm của Platon.

2. Về chính sách của nhà nước

Triết học chính trị của Aristotle chịu ảnh hưởng sâu đậm của quan niệm đạo đức. Không có mục tiêu phát huy đức hạnh thì sự kết hợp chính trị chỉ là liên minh những phần tử sống gần nhau. Vì vậy, chính nền đạo đức sẽ quy định chính sách của nhà nước, của dân tộc.

“Để xứng đáng được gọi là một nước thì nước đó phải đặc biệt quan tâm đến đạo đức”, còn luật pháp “theo như đúng nghĩa của nó là những quy luật cuộc sống để dân trở thành người tốt và công chính” (tr.172).

Với quan điểm chính sách đối ngoại không cho phép duy trì chính sách bạo lực, Aristotle nhấn mạnh “một nước không thể được xem là hạnh phúc, và nhà lập pháp không thể được ca tụng vì đã huấn luyện dân chúng của mình đi chinh phục và thống trị những nước lân bang; đó là một điều cực xấu” (tr.396). Không có nguyên tắc nào cũng như luật lệ nào đặt việc tranh quyền đoạt lợi làm mục tiêu lại có thể được xem là hữu ích hay chính đáng, dù đó là cá nhân hay quốc gia. Trên cơ sở như vậy, Aristotle đã đúng khi phản đối chính sách bạo lực. Ông cho rằng, “nhà lập pháp nên hướng những hoạt động và phương tiện của nhà nước vào việc thiết lập hòa bình và đời sống thư nhàn cho dân chúng” (tr.397). Đời sống của con người có hai phần: công việc và thư nhàn; chiến tranh và hòa bình. Người dân sống ở nước đó phải có khả năng sống một đời sống tích cực, và chiến đấu khi có chiến tranh, nhưng lại càng phải có khả năng sống thư nhàn trong thời bình.

Muốn có một đời sống thư nhàn, con người cần có các nhu yếu phẩm cần thiết, vì vậy nhà cầm quyền cần phải có nghệ thuật tích lũy tài sản. Đây được coi là nghệ thuật tích lũy của cải tự nhiên, nhằm cung ứng những vật dụng, nhu yếu phẩm cần thiết cho một đời sống xã hội tốt đẹp. Aristotle cho rằng, theo luật tự nhiên người ta sẽ dùng những gì mà thiên nhiên cung cấp cho họ. Theo đó, nhà cầm quyền phải có

kiến thức về chăn nuôi, về nghề nông để thực thi việc sản xuất trên cả hai lĩnh vực cung cấp nguồn nhu yếu phẩm chủ yếu và cần thiết cho con người. Aristotle không ủng hộ nghệ thuật làm giàu (buôn bán) vì nó không tự nhiên và là sự lợi dụng lẫn nhau. Tuy nhiên, ông cho rằng việc trao đổi hàng hóa là cần thiết nhằm thỏa mãn các nhu cầu tự nhiên của con người, vì vậy các nhà lãnh đạo đất nước cũng cần biết cách tạo ra của cải giống như các thương nhân để đảm bảo nguồn ngân sách nhà nước khi cần. Dưới dạng sơ khai, Aristotle đã đề cập đến vai trò của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại và phát triển xã hội. Chính sách của quốc gia phải chú trọng đến phát triển kinh tế để đảm bảo nền tảng cho một đời sống thư nhàn của dân chúng, mặc dù, do hạn chế thời đại, ông mới chỉ biết tới hai loại hình sản xuất tự nhiên là chăn nuôi và trồng trọt.

Để có đời sống thư nhàn, con người còn phải học tính tiết chế, không xa hoa hoang phí, can đảm và có khả năng chịu đựng, và con người cần trau dồi những đức tính đó. Để có tình trạng tốt nhất, con người cần có ba điều kiện: thể chất (do bẩm sinh), những thói quen tốt và năng lực nhận thức. Vì vậy, các quốc gia phải chú trọng vấn đề đào tạo, giáo dục con người. Việc giáo dục trẻ nên bắt đầu từ việc luyện thói quen tốt, lễ phép ngay từ lúc còn nhỏ. Huấn luyện thể chất phải đi trước huấn luyện tinh thần. Việc huấn luyện thể chất để hướng con người đến sự kiềm chế những hành vi bản năng, nhằm phát triển lý trí. Aristotle coi giáo dục là biện pháp để tạo nên các công dân đức hạnh cho một nhà nước. Giáo dục được coi là trách nhiệm của quốc gia, “bỏ bê việc giáo dục sẽ gây ra nguy hại cho cơ cấu chính trị và hiến

pháp của một nước. Người công dân phải được giáo dục cho phù hợp với mô hình chính quyền mà họ sinh sống” (tr.412). Và vì cả nước chỉ có một mục đích tối hậu, nên chỉ cần có một sự giáo dục đồng nhất cho tất cả mọi người, và sự giáo dục này phải là nền giáo dục công lập do nhà nước ấn định.

3. Về các hình thức chính quyền và mô hình nhà nước lý tưởng

1. Aristotle định nghĩa: “Hiến pháp và chính quyền có cùng một nghĩa, và chính quyền là quyền uy tối thượng trong một nước” (tr.167). Ông phân loại chính quyền dựa trên số lượng người cầm quyền và tài sản. Chính quyền do một người cai trị là chế độ quân chủ; do một nhóm thiểu số người cai trị là quý tộc; chính quyền do đa số công dân tham gia chính sự và quan tâm đến lợi ích chung là cộng hòa (polítie).

Ba hình thức chính quyền trên đây được coi là đúng đắn khi hiểu theo nghĩa, chính quyền được tổ chức nhằm phục vụ lợi ích chung. Ngược lại, khi chính quyền được thiết lập nhằm phục vụ lợi ích riêng tư của một người hay một nhóm người là chính quyền bị hủ bại. Ở đây dưới dạng sơ khai, Aristotle đưa ra tư tưởng về sự tha hóa quyền lực nhà nước.

Ba hình thức nhà nước đúng đắn nêu trên khi bị “hủ bại” sẽ trở thành ba hình thức nhà nước tương ứng là bạo chúa, quả đầu^(*) và dân chủ. Bạo chúa hủ bại vì nhà vua chỉ chăm lo cho quyền lợi của vương thất; quả đầu chỉ lo cho quyền lợi của kẻ giàu và dân chủ chỉ lo cho quyền lợi của dân nghèo. Không có

(*) Quả đầu: chế độ chính trị dựa trên giai cấp có tài sản.

loại nào lo cho quyền lợi chung của quốc gia (tr.168).

Aristotle không cố sù ý cho một mô hình nhà nước cụ thể nào, trên cơ sở khảo cứu những mô hình nhà nước trên thực tế và lý thuyết, ông chỉ rõ trong mỗi mô hình đều có điểm tích cực và hạn chế. Và mỗi quốc gia căn cứ vào điều kiện cụ thể của mình mà xây dựng hình thức nhà nước phù hợp.

Theo Aristotle, mục đích tối hậu của quốc gia là hướng tới xây dựng một đời sống tốt đẹp nhất và các định chế xã hội chỉ là phương tiện nhằm đạt tới mục đích này. Như vậy, muốn biết mô hình chính quyền nào tốt nhất, phải biết thế nào là một đời sống tốt đẹp nhất. Theo Aristotle, “để có một đời sống tốt đẹp, con người cần có ba ‘cái tốt’ - vật chất, thể chất và tinh thần”. Và có thể giả thiết rằng, “một đời sống tốt nhất cho cả cá nhân và nhà nước là một đời sống đức hạnh cộng với sự đầy đủ về vật chất và thể chất để thực hành được những hành động tốt” (tr.352, 355).

Từ sự luận giải đó, Aristotle cho rằng, mô hình chính quyền tốt nhất là chính quyền mà trong đó mọi người, bất kể ai, đều có thể sinh hoạt theo đúng khả năng cao nhất và sống một đời sống hạnh phúc. Và nếu “hạnh phúc được xem như là hoạt động đức hạnh, thì một đời sống hoạt động là đời sống tốt nhất cho cả quốc gia nói chung và cả cá nhân nói riêng” (tr.362). Tiêu chuẩn của một nhà nước lý tưởng dựa vào tiêu chuẩn đạo đức. “Những tiêu chuẩn áp dụng cho đời sống hạnh phúc của cá nhân con người cũng được áp dụng cho một quốc gia và hiến pháp, vì hiến pháp thể hiện cách sống của nhân dân trong nước đó” (tr.236). Để duy trì

chính quyền, theo Aristotle, “điều cần giữ gìn triệt để hơn là tinh thần thượng tôn pháp luật, nhất là về những vấn đề nhỏ nhặt; vì những điều tưởng là vụn vặt sẽ âm thầm len lỏi vào và cuối cùng làm sụp đổ cả quốc gia” (tr.288).

2. Về mô hình nhà nước lý tưởng, theo Aristotle, trước hết nhà nước không chỉ cần có nông (thức ăn), công (dụng cụ), binh khí, tài chính, tôn giáo mà còn cần cả cộng đồng phụng sự, có quyền lực. Để thực hiện được các chức năng trên, cần có các giai cấp tương ứng: nông dân, nghệ nhân, chiến binh, người giàu có, tu sĩ, quan tòa.

Giai cấp cai trị nhà nước nên là những người có tài sản. Công dân trong nhà nước phải có sở hữu tài sản. Aristotle không ủng hộ chế độ nhà nước dựa trên sở hữu cộng đồng về tài sản, vì tổ chức xã hội cùng chung tài sản sẽ dẫn đến sự bất đồng nếu không chia đều công việc và sản phẩm. Mặt khác, “cái gì mà thuộc của chung, của nhiều người thì cái đó càng ít người quan tâm bảo quản. Mọi người chỉ lo cho bản thân họ, và hầu như chẳng đếm xỉa gì đến lợi ích chung; còn nếu họ quan tâm đến quyền lợi chung thì cũng chỉ vì động chạm đến quyền lợi riêng của họ. Thêm vào đó, con người có khuynh hướng xao lãng nhiệm vụ mà họ nghĩ là sẽ có người khác chu toàn” (tr.89).

Xét từ góc độ bản tính con người thì khi mọi người có quyền lợi riêng sẽ không phàn nàn kẻ khác, và mọi người đều tích cực làm việc vì ai cũng lo cho quyền lợi của mình. Một cách tự nhiên, người ta sẽ cảm thấy vui sướng khi làm chủ một vật gì đó, vì tự yêu mình là bản chất tự nhiên của con người.

Xét về phương diện đạo đức, liên quan đến tài sản chung, người ta sẽ mất đi những phẩm hạnh vô giá của con người đó là tình yêu được ban tặng, sự hào phóng và sự tốt lành, và trước hết là tình yêu chính bản thân mình ẩn giấu sau những niềm vui. Khi ta làm điều tốt hoặc phục vụ cho bạn bè của mình, ta cảm thấy vui sướng, nhưng ta chỉ có thể làm được như vậy nếu có tài sản riêng mà thôi. “Người ta nên có đủ tài sản để có thể vừa sống có chừng mực, vừa có được sự hào phóng” (tr.104).

Aristotle cho rằng, mọi bất công trong xã hội không phải do sở hữu tư nhân gây ra giống như Platon quan niệm, mà do sở hữu tư nhân vô độ. Mặt khác, những điều xấu xa xảy ra trong một quốc gia “không phải do quyền tư hữu gây ra, mà do một nguyên nhân khác - bản chất xấu xa của con người” (tr.97). Vì vậy trong nhà nước lý tưởng cần duy trì sở hữu ở mức độ vừa phải. Công dân có tài sản đủ dùng, nếu không sẽ dẫn đến tình trạng dân chủ cực đoan hay quả đầu. Một quốc gia ổn định khi trong xã hội không có giai cấp quá giàu hoặc quá nghèo. Những người vượt trội người khác về sắc đẹp, sức mạnh, gia thế, tài sản thường có khuynh hướng dùng bạo lực và trở thành những kẻ đại tội. Còn những người quá nghèo, quá yếu hay hạ tiện thì dễ trở thành kẻ lưu manh và phạm các tội ác lặt vặt. “Nếu duy trì hai giai cấp này, ta có một giai cấp không biết vâng lời, và chỉ có thể cai trị độc đoán, và một giai cấp không biết cai trị là gì mà chỉ biết vâng lời và tuân phục như nô lệ. Cho nên kết quả là ta có một nước không phải của những người tự do mà là một nước của chủ nhân và nô lệ, bên này khinh bên kia và bên kia

thì đổ kỵ bên này” (tr.237). Từ đó, Aristotle cho rằng, một nước có đa số công dân thuộc thành phần trung lưu thì chắc chắn đó phải là nước có chế độ chính trị tốt nhất, bởi giai cấp trung lưu thường có ít tham vọng trong cả hai lĩnh vực quân sự và dân sự, khi giai cấp trung lưu lớn mạnh khó lòng xảy ra bè phái và chia rẽ.

Aristotle cũng nhấn mạnh, về nguyên tắc, chế độ trung dung là tốt nhất nhưng phải tùy hoàn cảnh đặc thù của từng nước mà duy trì chế độ chính trị, vì “có những loại hiến pháp tự bản chất rất tốt, nhưng chưa chắc đã thích hợp với dân chúng nước đó” (tr.241).

Một quốc gia lý tưởng còn cần có những điều kiện về dân số, đất đai, về lãnh thổ và vị trí thủ đô. Điều kiện dân số là nói về số lượng và tỷ lệ giữa các thành phần công dân. Một quốc gia lý tưởng cần có số công dân vừa phải không quá đông cũng không quá ít, tỷ lệ giữa các thành phần công dân phải phù hợp.

Diện tích và phạm vi lãnh thổ phải đủ rộng để người dân có thể sống nhàn hạ trong tự do, có chừng mực. Địa thế lãnh thổ phải đủ hiểm trở để ngăn quân giặc, nhưng cũng phải thuận tiện cho dân cư đi lại. Lãnh thổ phải dễ kiểm soát, vị trí thủ đô phải ở nơi thuận đường giao thông, dựa trên hai nguyên tắc: “Thứ nhất, vị trí của thủ đô cũng là trung tâm quân sự của cả nước, phải thuận lợi cho việc điều quân bảo vệ lãnh thổ; thứ hai, phải thuận lợi cho việc thương mại, cả trong vận chuyển lẫn phân phối lương thực cũng như sản vật của cả nước” (tr.367). Vị trí của một quốc gia lý tưởng nên vừa giáp biển, vừa giáp đất liền.

Theo Aristotle, ở một quốc gia mà người dân vừa khôn ngoan, vừa can đảm là sức dân dễ được nhà lập pháp hướng dẫn tới đời sống đức hạnh. Và chỉ có người dân Hy Lạp, sinh sống trong khu vực giữa châu Âu và châu Á, nên có tính chất trung dung, vừa có sự hăng hái, vừa có sự khôn ngoan. Những người dân này “khi kết hợp lại thành một nước, họ có khả năng cai trị cả thế giới” (tr.371).

Như vậy, nhà nước trong quan niệm của Aristotle là một tổ chức chính trị - đạo đức hoàn hảo, trong đó cá nhân, gia đình là nền tảng của nhà nước, giáo dục là phương tiện để đạt đến một đời sống đức hạnh. Chức năng của nhà nước là tạo ra những khả năng hữu hiệu cho sự phát triển và hạnh phúc của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, quan niệm của ông về nhà nước cũng còn một số hạn chế. Ông ủng hộ chế độ nô lệ và cho rằng người

nô lệ là bẩm sinh “kẻ nào mà từ bản chất không thuộc về mình mà thuộc về kẻ khác, thì từ bản chất kẻ đó là nô lệ; và ta có thể nói hẳn thuộc về và thuộc quyền sở hữu của người khác” (tr.53). Đồng thời có tư tưởng phân biệt giữa nam và nữ: “giống đực, về bản chất tự nhiên khỏe hơn giống cái, và do vậy, giống đực làm chủ, còn giống cái phục tùng. Nguyên tắc tổng quát này đúng cho cả nhân loại” (tr.55); phân biệt giữa các dân tộc, coi dân tộc Hy Lạp là cao quý và có thể cai trị cả thiên hạ. Thực chất, quan niệm triết học đạo đức và triết học chính trị của Aristotle nói chung vẫn hướng tới con người thuộc đẳng cấp “cao hơn” những con người bình thường. Điều đó cũng là hợp lẽ tự nhiên vì Aristotle không thể thoát ra khỏi sự ảnh hưởng của thời đại ông, của văn hóa thời kỳ đó □

(Tiếp theo trang 53)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lữ Đạt, Chu Mãn Sinh (Chủ biên, 2010), *Cải cách giáo dục ở các nước phát triển: Cải cách giáo dục ở Mỹ, Quyển I*, Bản dịch của Nguyễn Trung Thuận, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Lữ Đạt, Chu Mãn Sinh (Chủ biên, 2010), *Cải cách giáo dục ở các nước phát triển: Cải cách giáo dục ở Mỹ, Quyển III*, Bản dịch của Trần Thị Thanh Liêm, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
3. Lữ Đạt, Chu Mãn Sinh (Chủ biên, 2010), *Cải cách giáo dục ở các nước phát triển: Cải cách giáo dục ở Mỹ, Quyển IV*, Bản dịch của Lê Xuân Khải, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
4. Howard Gardner (2012), *Năm tư duy cho tương lai*, Bản dịch của Đặng Nguyễn Hiếu Trung và Tô Tường Quỳnh, Nxb. Trẻ - DT Books - IRED, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Jon Wiles, Joseph Bondi (2005), *Xây dựng chương trình học: Hướng dẫn thực hành*, Bản dịch của Nguyễn Kim Dung, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
6. Yvonne Raley, Gerard Preyer (2010), *Philosophy of Education in the Era of Globalization*, Routledge, New York.